

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 230/2024/HS-ST
Ngày 12-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Văn Lực;
- Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Việt Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Cao Tấn Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 160/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Thanh T, sinh năm 1993 tại tỉnh Phú Yên; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Số B Quốc lộ A, khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Văn T1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1999; có vợ tên Dương Thị Ái L, sinh năm 1993; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2023 cho đến nay; có mặt.

2. Huỳnh Phạm T2, sinh năm 1996 tại tỉnh Phú Yên; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Số B, đường D, khu phố T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị T4, sinh năm 1973; bị cáo có 02 anh em ruột, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2001; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2023 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh T:* Ông Nguyễn Ngọc T5 - Luật sư Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Phạm T2:* Ông Lý Ngọc S - Luật sư Công ty

L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1988; thường trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Số A khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Lâm Minh Đ, sinh năm 1988; thường trú: Khóm C, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lương Bá T6, sinh năm 1988; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Hẻm D, Nguyễn Tri P, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Phạm D, sinh năm 1993; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Số B đường số D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. Bà Dương Thị Ái L, sinh năm 1993; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Số B Quốc lộ A, khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

* Người tham gia tố tụng khác:

- Người chứng kiến: Ông Lê Văn L1 và ông Lê Công H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh T và Huỳnh Phạm T2 cùng nhau kinh doanh quán ăn “Ốc hải sản Ông B” tại địa chỉ số C đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 16 giờ ngày 31/8/2023, khi T và T2 đang bán quán ăn “Ốc hải sản Ông B” thì Phạm Xuân T7, sinh năm 1993; thường trú: Số A đường N, tổ A, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cùng 02 người bạn (không rõ nhân thân, lai lịch) đến quán ăn và uống bia đến khoảng 22 giờ thì nghỉ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T, T2 và T7 đang ở quán thì có anh Nguyễn Công C, sinh năm 1988; thường trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau và anh Lâm Minh Đ, sinh năm 1988; thường trú: Khóm C, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đi xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 94D1 - 329.98 đến quán “Ốc hải sản Ông B” ăn uống. Tại đây, anh C có mời T, T2, T7 vào ngồi nhậu cùng với anh C và anh Đ. Đến khoảng 03 giờ ngày 01/9/2023, anh C và anh Đức t tiền ra về, T2 ghi hoá đơn tính tiền cho anh C là 385.000 đồng, anh C nói để anh C chuyển tiền qua tài khoản cho T2 nhưng anh C chuyển vài lần mà không được. T, T2, T7 nghĩ anh C và anh Đ đến quán để quậy phá quán. Lúc này, T7 bực tức nói “*tụi mày đến đây quậy phá quán chứ nhậu nhẹt gì*”, rồi T7 dùng tay tát vào mặt của anh Đ, thì anh C nói “*tụi em đi nhậu để tụi em trả tiền, sao anh lại đánh bạn em vậy*”, rồi anh Đ lấy tiền trong túi ra đưa cho T2 số tiền 500.000 đồng, lúc này, do bực tức việc anh C và anh Đ đến quán ăn uống mà không trả tiền nên T, T7 và T2 dùng tay chân đánh nhiều cái vào người anh C và anh Đ thì anh C vùng ra bỏ chạy, do khi đánh nhau làm đổ vỡ ly chén nên cả nhóm yêu cầu anh C và anh Đ phải bồi thường tiền, T7 chạy bộ đuổi theo anh C để bắt anh C đưa về

quán, T lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 78G1-370.40 chạy đuổi theo hỗ trợ T7 đưa anh C về quán, còn T2 thì ở lại quán giữ anh Đ, khi T chạy xe mô tô nói trên ra khỏi quán được khoảng 50m thì gặp T7 đang ôm giữ anh C nên T kêu T7 đưa anh C để lên xe mô tô để T điều khiển xe chở anh C ngồi giữa T7 ngồi sau giữ anh C đưa về quán của T. Khi về đến quán, T, T7 và T2 dùng tay chân tiếp tục đánh anh C và anh Đ để yêu cầu anh C và anh Đ bồi thường tiền ly chén bị bể, T và T7 kêu T2 ghi hoá đơn khác cho anh C và anh Đ để trả phần bồi thường ly chén bể thì T2 ghi 01 tờ hoá đơn khác nêu không số lượng món ăn, bia với tổng số tiền là 1.750.000 đồng, rồi T, T7 và T2 yêu cầu anh C và anh Đ trả tiền nhưng cả hai không có tiền nên T, T7 và T2 dùng tay chân đánh anh C và anh Đ, thì anh C vùng ra bỏ chạy ra ngoài đường Nguyễn Tri P, thấy vậy, T gọi điện thoại cho bạn của T là Lương Bá T6, sinh năm 1988; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên và nói T6 qua trông coi quán dùm T do có khách ăn uống không trả tiền bỏ trốn, rồi T7 lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 78G1 - 370.40 chạy chở T đuổi theo anh C để bắt anh C đưa về lại quán, chỉ còn T2 ở lại quán giữ anh Đ, khi T và T7 vừa chạy ra khỏi quán thì anh Đ cũng bỏ chạy ra khỏi quán, còn T2 chạy đuổi theo anh Đ nhưng không kịp nên T2 quay lại quán, T và T7 chạy đuổi theo anh C nhưng không được nên T và T7 quay xe lại chạy đuổi theo anh Đ, khi T và T7 chạy được khoảng 500m thì đuổi kịp anh Đ, T7 xô anh Đ té ngã xuống đường, T và T7 bắt giữ anh Đ lại đưa lên xe mô tô, T điều khiển xe mô tô chở anh Đ nằm giữa xe còn Trầm ngồi phía sau ôm giữ anh Đ. Khi T và T7 đưa anh Đ về quán thì T6 cũng vừa đến, T và T7 đưa anh Đ vào ngồi trên nền nhà trong quán, T và T7 dùng tay đánh anh Đ 02-03 cái, thì T6 can ngăn, T6 nói “thôi tụi em đừng đánh nó nữa”, nghe vậy, T và T7 không đánh anh Đ nữa, rồi T, T7 và T2 yêu cầu anh Đ phải trả tiền bồi thường thiệt hại cho quán, nhưng anh Đ nói không có tiền, rồi anh Đ bảo “các anh cứ giữ xe máy của em lại”, thì T, T7 và T2 nói “tụi tao giữ xe máy của mày lại làm gì”, rồi T, T7 và T2 bảo anh Đ gọi điện thoại cho người thân mang tiền đến trả nhưng anh Đ không gọi được cho ai, rồi T7 nói “vậy bây giờ giữ xe máy mày lại ngày mai mang tiền đến trả rồi lấy xe về”. Lúc này, T2 buồn ngủ nên T6 đưa T2 về nhà trọ của T6 ngủ, còn T và T7 giữ anh Đ, khoảng 05 phút sau T6 quay lại, T, T7 bảo anh Đ gọi điện thoại cho người thân mang tiền đến trả nhưng anh Đ không gọi được cho ai, T6 can ngăn nên nói với T và T7 cho anh Đ về, thì T và T7 đồng ý. Sau đó, T và T7 bảo anh Đ đi về, khi nào có tiền mang đến trả tiền lấy xe máy về, còn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 94D1 - 329.98 của anh Đ thì T cất giữ tại quán. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi T đi đến nhà trọ của T6 ăn cơm, T gặp riêng T2, T nói với T2 về việc giữ chiếc xe mô tô của anh Đ, T và T2 thống nhất khi Đ trả tiền thì sẽ lấy số tiền 2.000.000 đồng bồi thường tiền ly chén bể. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T2 nhắn tin cho T nói là anh Đ mới gọi điện để xin trả số tiền 2.000.000 đồng lấy xe về quê, thì T nói T2 hẹn anh Đ là trưa ngày 02/9/2023 đến quán trả tiền rồi lấy xe về.

Đến 20 giờ 40 phút ngày 01/9/2023, anh Lâm Minh Đ đến Công an phường D, thành phố D trình báo sự việc. Đến 11 giờ ngày 02/9/2023, Công an phường D đến kiểm tra quán nhậu “Ố hải sản Ông B” phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 94D1 - 329.98 nên mời T và T2 về trụ sở làm việc. Cùng ngày, Lê Thanh T, Huỳnh Phạm T2 bị bắt khẩn cấp.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 94D1 - 329.98; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 78G1 - 370.40; 01 (một) tờ hoá đơn bán lẻ; 01 (một) điện thoại hiệu Sony Xperia, màu xanh, không gắn sim; 01 (một) điện thoại hiệu Apple Iphone 11 Pro, màu trắng, sim số 0961341898 (thu của bị

cáo Huỳnh Phạm T2); 01 (một) điện thoại hiệu S1 Note 10 màu đen, gắn sim số 0971153700 (thu của bị cáo Lê Thanh T) và 01 (một) điện thoại hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, gắn sim số 0906264577 và 01 điện thoại Iphone 8 màu vàng, gắn sim số 0917725557 (thu của Lương Bá T6).

Đối với Phạm Xuân T7 đã khởi tố và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng chưa bắt được bị can nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tách vụ án điều tra, truy bắt xử lý sau.

Đối với Lương Bá T6 được bị cáo Lê Thanh T gọi điện đến quán, T6 không bàn bạc giúp sức các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không đồng phạm với các bị cáo T, T2 đồng thời anh T6 không biết rõ việc thực hiện tội phạm của các bị cáo nên không cấu thành tội phạm “Không tố giác tội phạm” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 184/CT-VKS-DA ngày ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Thanh T và Huỳnh Phạm T2 phạm tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và điểm d, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168 và điểm d, đ khoản 2 Điều 157; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và xử phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội danh từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168 và điểm d, đ khoản 2 Điều 157; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Huỳnh Phạm T2 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và xử phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội danh từ 05 năm đến 06 năm tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 94D1 - 329.98 là của bị hại Lâm Minh Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D trả lại xe trên cho anh Đ.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 78G1 - 370.40 là do anh Huỳnh Phạm D, sinh năm 1993; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (là anh ruột của bị cáo Huỳnh Phạm T2) đứng tên sở hữu. Anh D cho bị cáo T2 mượn làm phương tiện đi lại, T2 và đồng phạm sử dụng làm phương tiện phạm tội anh D không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D trả lại xe trên cho anh D.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu xanh, không gắn sim thu của bị hại Lâm Minh Đ để kiểm tra chứng cứ nên đề nghị tuyên trả lại cho anh Đ.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, gắn sim số 0906264577 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu vàng, gắn sim số 0917725557 (thu của anh Lương Bá T6). Qua quá trình điều tra xác định điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu vàng, gắn sim số 0917725557, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả điện thoại trên cho anh Lương Bá T6 và đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, gắn sim số 0906264577, qua kiểm tra không có nội dung thể hiện T6 đồng phạm với các bị cáo nên đề nghị trả lại cho anh T6 điện thoại cùng với sim số trên.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11 Pro, màu trắng, sim số 0961341898 (thu của bị cáo Huỳnh Phạm T2) và 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Note 10 màu đen, gắn sim số 0971153700 (thu của Lê Thanh T). Các bị cáo T và T2 sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu vào Ngân sách Nhà nước đối với điện thoại và tịch thu tiêu hủy các sim số điện thoại nêu trên.

- Đối với 01 (một) tờ hoá đơn bán lẻ, là vật chứng của vụ án nên đề nghị tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thanh T cùng gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 18.000.000 đồng; bị cáo Huỳnh Phạm T2 cùng gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 18.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Công C nhận số tiền 15.000.000 đồng; bị hại Lâm Minh Đ nhận số tiền 21.000.000 đồng, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh T tranh luận:

Thông nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo T, người bào chữa cho bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng gia đình bồi thường cho bị hại; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; gia đình bị cáo có công cách mạng, bị hại có hành vi đến quán các bị cáo đòi bảo kê, quấy phá nên làm khởi xướng hành vi phạm tội của các bị cáo đồng thời bị cáo là người có nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự hạ khung hình phạt cho bị cáo. Còn tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm áp dụng đối với bị cáo thì người bào chữa cho bị cáo không đồng ý, bởi lẽ trước đó giữa các bị cáo và các bị hại đã xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ hành vi của các bị hại như các bị hại có hành vi quấy quá, đòi bảo kê, nói những lời thách đố các bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Phạm T2 tranh luận:

Thông nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo T2, người bào chữa cho bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo cùng gia đình bồi thường cho bị hại; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; gia đình bị cáo có công cách mạng đồng thời sự việc xảy ra có một phần lỗi của bị hại, hành vi phạm tội của bị cáo là bộc phát, nhất thời phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, vai trò của bị cáo trong vụ án là thứ yếu nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự hạ khung hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm áp dụng đối với bị cáo thì người bào chữa không chấp nhận bởi lẽ như phân tích ở trên trong vụ án này có một phần lỗi của bị hại là đến quán của các bị hại có hành vi quấy phá, đòi bảo kê, nói những

lời thách đố các bị cáo dẫn đến những hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và thống nhất một phần với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà những người bào chữa đưa ra đối với các bị cáo, còn mức hình phạt thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, đồng thời trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; các bị hại; người bào chữa cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo; các bị hại; người bào chữa cho các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người chứng kiến; biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 03 giờ 00 phút đến khoảng 05 giờ 00 ngày 01/9/2023, tại địa chỉ số C đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Lê Thanh T và Huỳnh Phạm T2 có hành vi bắt, giữ anh Nguyễn Công C; 02 lần bắt, giữ anh Lâm Minh Đ và dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Công C, anh Lâm Minh Đ số tiền 2.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi trên đây của các bị cáo dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức để chiếm đoạt tài sản của các bị hại có tổng giá trị 2.000.000 đồng, đã đủ tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, đồng thời các bị cáo có hành vi dùng vũ lực không chế để bắt, giữ trái ý muốn của các bị hại Nguyễn Công C (01 lần) và Lâm Minh Đ (02 lần), đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” với các tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” và “đối với hai người trở lên”. Do đó, Cáo trạng số: 184/CT-VKS-DA ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo Lê Thanh T và Huỳnh Phạm T2 phạm tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và điểm d, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đã xâm phạm về thân thể, quyền tự do, dân chủ, quyền sở hữu tài sản, sức khỏe, tính mạng của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong sinh hoạt hằng ngày mà các bị cáo có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để cướp tài sản và dùng vũ lực khống chế để bắt, giữ trái ý muốn của các bị hại nên các phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất côn đồ”, được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo cùng với gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; gia đình các bị cáo là gia đình có công với cách mạng; bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện các bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và người lao động. Bị cáo Huỳnh Phạm T2 có bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có bác ruột là liệt sỹ; bị cáo Lê Thanh T có ông nội là Thương binh nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, cùng lúc phạm 02 tội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm về thân thể, quyền tự do, dân chủ, quyền sở hữu tài sản, sức khỏe, tính mạng của các bị hại được pháp luật bảo vệ, đồng thời tội phạm của các bị cáo thực hiện còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*” và theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Tuy nhiên, áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 94D1 - 329.98 là của bị hại Lâm Minh Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D trả lại xe trên cho anh Đ và đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 78G1 - 370.40 là do anh Huỳnh Phạm D, sinh năm 1993; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (là anh ruột của bị cáo Huỳnh Phạm T2) đứng tên sở hữu. Anh D cho bị cáo T2 mượn làm phương tiện đi lại, T2 và đồng phạm sử dụng làm phương tiện phạm tội anh D không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D trả lại xe trên cho anh D nên không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu xanh, không gắn sim số thu của bị hại Lâm Minh Đ để kiểm tra chứng cứ, không liên quan đến vụ án nên cần tuyên trả lại điện thoại trên cho anh Đ.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, gắn sim số 0906264577 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu vàng, gắn sim số 0917725557 (thu của anh Lương Bá T6). Qua quá trình điều tra xác định điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu vàng, gắn sim số 0917725557, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả điện thoại trên cho anh Lương Bá T6 và đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, gắn sim số 0906264577, qua kiểm tra không có nội dung thể hiện T6 đồng phạm với các bị cáo nên đề nghị trả lại cho anh T6 điện thoại cùng với sim số trên.

- Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11 Pro, màu trắng, sim số 0961341898 (thu của bị cáo Huỳnh Phạm T2) và 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Note 10 màu đen, gắn sim số 0971153700 (thu của Lê Thanh T). Các bị cáo T và T2 sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên cần tịch thu vào Ngân sách Nhà nước đối với điện thoại và tịch thu tiêu hủy các sim số điện thoại nêu trên.

- Xét 01 (một) tờ hoá đơn bán lẻ, là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thanh T cùng gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 18.000.000 đồng; bị cáo Huỳnh Phạm T2 cùng gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 18.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Công C nhận số tiền 15.000.000 đồng; bị hại Lâm Minh Đ nhận số tiền 21.000.000 đồng, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với Phạm Xuân T7 đã khởi tố và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng chưa bắt được bị can nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tách vụ án điều tra, truy bắt xử lý sau và đối với Lương Bá T6 được bị cáo Lê Thanh T gọi điện đến quán, T6 không bàn bạc giúp sức các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không đồng phạm với các bị cáo T, T2 đồng thời anh T6 không biết rõ việc thực hiện tội phạm của các bị cáo nên không cấu thành tội phạm “Không tố giác tội phạm” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề cập xử lý, là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Đối với quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nhân thân của các bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự cũng như mức hình phạt là có cơ sở chấp nhận một phần.

Người bào chữa đề nghị áp dụng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ khách thể của các tội mà các bị cáo thực hiện đều đồng thời xâm phạm tài sản và nhân thân của các bị hại, đồng thời xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có cơ sở áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để hạ khung hình phạt cho các bị cáo.

[14] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh T và Huỳnh Phạm T2 phạm tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

1.1.2 Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 02 (hai) năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

1.1.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Lê Thanh T phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 02/9/2023.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Phạm T2 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

1.2.2 Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Phạm T2 02 (hai) năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

1.2.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Huỳnh Phạm T2 phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 02/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11 Pro, màu trắng và 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Note 10 màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy sim số 0961341898 và 0971153700.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 (một) tờ hoá đơn bán lẻ.

- Trả lại cho ông Lương Bá T6 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, gắn sim số 0906264577.

- Trả lại cho ông Lâm Minh Đ 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu

xanh, không gắn sim số.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/5/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Thanh T và Huỳnh Phạm T2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (03);
- Chi cục THA thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (09);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 10 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ.....phút, ngày 12 tháng 8 năm 2024
Tại: Trụ sở TAND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc C1.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn L2;
2. Bà Nguyễn Thị Thu V.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với:

Bị cáo Lê Thanh T cùng đồng phạm.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ điều tra bổ sung. Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

2. Trong các giai đoạn tố tụng, những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử đánh giá hợp pháp.

Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

3. Về tội danh đối với bị cáo: Có căn cứ kết tội các bị cáo Lê Thanh T và Huỳnh Phạm T2 phạm tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Kết biểu quyết và tán thành: 3/3 thành viên.

4. Về điều luật áp dụng:

4.1 Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.2 Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.4 Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.5 Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.6 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

5. Về mức hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 02 (hai) năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Lê Thanh T phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 02/9/2023.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Phạm T2 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Phạm T2 02 (hai) năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Huỳnh Phạm T2 phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 02/9/2023.

Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

6. Các bị cáo không thuộc trường hợp miễn chấp trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

7. Các vấn đề khác:

7.1 Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11 Pro, màu trắng và 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Note 10 màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy sim số 0961341898 và 0971153700.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 (một) tờ hoá đơn bán lẻ.

- Trả lại cho ông Lương Bá T6 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, gắn sim số 0906264577.

- Trả lại cho ông Lâm Minh Đ 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu xanh, không gắn sim số.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/5/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

7.2 Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Thanh T và Huỳnh Phạm T2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

8. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

9. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không có.

Kết quả tán thành và biểu quyết: 3/3 thành viên.

Nghị án kết thúc hồi giờ..... phút ngày 12 tháng 8 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ DĨ AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: /2024/HSST-QĐTG *Dĩ An, ngày 12 tháng 8 năm 2024*

**QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc C1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn L2;

2. Bà Nguyễn Thị Thu V.

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, cần thiết tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Tạm giam bị cáo Lê Thanh T, sinh năm 1993 tại tỉnh Phú Yên; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Số B Quốc lộ A, khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh.

Bị Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và điểm d, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (12/8/2024)

Điều 2.

Nhà tạm giữ Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Dĩ An;
- Nhà tạm giữ Công an T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Công

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ DĨ AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: /2024/HSST-QĐTG Dĩ An, ngày 12 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc C1.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Văn L2;
- Bà Nguyễn Thị Thu V.

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, cần thiết tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Tạm giam bị cáo Huỳnh Phạm T2, sinh năm 1996 tại tỉnh Phú Yên; thường trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Số B khu phố T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh.

Bị Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và điểm d, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (12/8/2024)

Điều 2.

Nhà tạm giữ Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Dĩ An;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Dĩ An;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Công